**KHUNG MA TRẬN ĐỀ**

**KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | |
| 1 | **Đặc điểm vị trí địa lí hình dạng lãnh thổ Việt Nam**  **(0,5 đ)** | – Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ  – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam | 2TN |  |  |  |
| 2 | **Đặc điểm địa hình và khoáng sản việt nam**  **(1-3 đ)** | – Đặc điểm chung của địa hình  – Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình  – Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế  – Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu | 4TN | 1TL (1,5đ)\* |  | 1TL (b)\* |
| 3 | **Đặc điểm khí hậu và thuỷ văn Việt Nam**  **(1,5-3,5 đ)** | – Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng  – Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam | 2TN | 1TL (1,5đ)\* | 1TL (a)  (1,0 đ) | 1TL(b)\* |
| Số câu/ loại câu | | | 8 câu TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu TL (b) |
| ***Tỉ lệ %***  ***(50%=5,0 điểm)*** | | | ***20***  ***(2,0 điểm)*** | ***15***  ***(1,5 điểm)*** | ***10***  ***(1,0 điểm)*** | ***5***  ***(0,5 điểm)*** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN: ĐỊA LÍ 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| 1 | **Đặc điểm vị trí địa lí hình dạng lãnh thổ Việt Nam**  **(0,5 đ)** | – Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ  – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.  **Thông hiểu**  – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. | 2TN (0,5 điểm) |  |  |  |
| 2 | **Đặc điểm địa hình và khoáng sản Việt Nam**  **(1-3 đ)** | – Đặc điểm chung của địa hình  – Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình  – Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế  – Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu | **Nhận biết**  – Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người.  – Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa.  **Thông hiểu**  – Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.  – Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.  **Vận dụng**  – Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. | 4TN  (1 điểm) | 1TL (1,5đ)\* |  | 1TL (b)\*  (0,5 điểm) |
| 3 | **Đặc điểm khí hậu và thuỷ văn Việt Nam**  **(1,5-3,5 đ)** | – Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng  – Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.  **Thông hiểu**  – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam: phân hóa bắc nam, phân hóa theo đai cao.  – Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam.  – Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.  **Vận dụng**  – Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.  – Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.  **Vận dụng cao**  – Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. | 2TN  (0,5 điểm) | 1TL (1,5đ)\* | 1TL(a)  (1,0đ) | 1TL(b)\*  (0,5 điểm) |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu TL (b) |
| ***Tỉ lệ %***  ***(50%=5,0 điểm)*** | | |  | ***20***  ***(2,0 điểm)*** | ***15***  ***(1,5 điểm)*** | ***10***  ***(1,0 điểm)*** | ***5***  ***(0,5 điểm)*** |
|  | | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| *Đề gồm 01 trang* | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2022- 2023**  **MÔN: ĐỊA LÍ 8 (PHÂN MÔN ĐỊA LÍ)**  ***Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề*** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

**Câu 1.** Điểm cực Bắc của Việt Nam nằm ở vĩ độ

A. 23o24’B. B. 23o23’B. C. 23o20’B. D. 23o22’B.

**Câu 2.** Ý nào dưới đây đúng về vị trí địa lí nước ta?

A. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.

B. Tiếp giáp Trung Quốc và Ấn Độ.

C. Nằm ở vùng nội chí tuyến nửa cầu Bắc.

D. Không tiếp giáp với biển.

**Câu 3**. Hướng nghiêng chung của địa hình Việt Nam là

A. tây nam – đông bắc. B. đông bắc – tây nam.

C. tây bắc – đông nam. D. đông nam – tây bắc.

# Câu 4. Dạng địa hình nào chiếm diện tích lớn nhất của nước ta?

A. Cao nguyên. B. Đồng bằng. C. Trung du. D. Núi thấp.

**Câu 5.** Than đá tập trung nhiều ở tỉnh

A. Quảng Ninh B. Quảng Trị C. Quảng Bình D. Quảng Nam

**Câu 6.** Bắc Giang thuộc vùng núi

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

**Câu 7.** Khí hậuViệt Nam chia ra làm mấy mùa chính?

A. Một mùa.               B. Hai mùa. C. Ba mùa.       D. Bốn mùa.

**Câu 8.** Loại gió hoạt động thường xuyên vào mùa đông ở miền Bắc nước ta là

A. gió mùa đông nam B. gió mùa đông bắc C. gió mùa tây nam D. gió Tín Phong

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1. (1,5 điểm)**

Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc ở nước ta.

**Câu 2. (1,5 điểm).**

a.Phân tích vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch của Đà Lạt?

b. Để ứng phó với sự biến đổi khí hậu ở Việt Nam, chúng ta cần có những giải pháp gì?

----------- HẾT ----------

*Họ tên học sinh……………………………….số báo danh…………………*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT**  **HUYỆN TÂN YÊN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN: PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 8** |

**I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm):** Chọn đúng mỗi câu được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | B | C | C | D | A | B | B | B |

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần trình bày** | **Điểm** |
| **1** | **Đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc** | **1,5** |
| - Vị trí: tả ngạn sông Hồng  - Đặc điểm:  + Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp với 4 cánh cung lớn ( sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều).  + Hướng nghiên chung: thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.  + Vùng có địa hình các-xtơ đá vôi độc đáo có mặt ở nhiều nơi. | 0,25  0,5  0,5  0,25 |
| **2** | **a. Vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch của Đà Lạt** | ***1,0*** |
| - Đà Lạt có khí hậu ôn đới với nền nhiệt độ thấp nhiệt độ trung bình năm dao động từ 18 - 300c.  - Khí hậu chia ra làm hai mùa : một mùa khô và một mùa mưa.  - Tổng lượng mưa TB năm 1562 mm và độ ẩm không khí 82%.  - Với đặc điểm khí hậu trên Đà Lạt rất thuận lợi để phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. | *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| **b. Những giải pháp để ứng phó với sự biến đổi khí hậu ở Việt Nam** | ***0,5*** |
| - Bảo vệ rừng, trồng rừng.  - Hạn chế sử dụng nhiên liệu hoá thạch, tiết kiệm điện…  *(GV có thể linh hoạt cho điểm theo ý tưởng làm bài của học sinh)* | 0,25  0,25 |